

Bản án số: 467/2020/DS-PT

Ngày 23 tháng 9 năm 2020

“V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất; hủy  
giấy chứng nhận QSD đất; vô hiệu hợp  
đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Công

*Các thẩm phán:* Ông Đặng Văn Ý

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Trí Dũng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2020/TLPT-DS ngày 17 tháng 01 năm 2020 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2019/DS-ST ngày 19/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh V bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2322/2020/QĐ-PT ngày 12 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị M, sinh năm 1951 – Vắng mặt;

Địa chỉ: 67/5 ấp Thuận Long, xã Đồng Phú, huyện L, tỉnh V.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Mỹ T<sup>1</sup>, sinh năm 1973; Địa chỉ: Ấp Phú Hòa 1, xã Đồng Phú, huyện L, tỉnh V (Văn bản ủy quyền ngày 28/11/2017) – Có mặt.

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1955 – Có đơn xin vắng mặt;

Địa chỉ: 91/7 ấp Thuận Long, xã Đồng Phú, huyện L, tỉnh V.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Ngô Thị Cẩm H<sup>1</sup>, sinh năm 1957 – Có đơn xin vắng mặt;

Địa chỉ: 91/7 ấp Thuận Long, xã Đồng Phú, huyện L, tỉnh V.

3.2. Chị Phan Ngọc H, sinh năm 1989 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Khu vực 6, phường Thuận An, thị xã L, tỉnh H.

*Người đại diện hợp pháp của chị Phan Ngọc H:* Ông Nguyễn Minh T<sup>1</sup>, sinh năm 1969; Trú 16A Nguyễn Thái Học, Phường 1, thành phố V, tỉnh V (Văn bản ủy quyền ngày 22/5/2020) – Có mặt;

3.3. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1973 – Có đơn xin vắng mặt;

3.4. Chị Phạm Thị Dương T<sup>2</sup>, sinh năm 1973 – Có đơn xin vắng mặt;

Cùng trú 176A/13 ấp Thuận Long, xã Đồng Phú, huyện L, tỉnh V.

3.5. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – VẮNG MẶT;  
*Người đại diện hợp pháp:* Ông Trần Văn Thảo – Phó Giám đốc chi nhánh huyện L phụ trách Phòng giao dịch Hòa Ninh (VẮNG MẶT).

3.6. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V;  
*Người đại diện hợp pháp:* Ông Nguyễn Minh Hiếu, Giám đốc – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. *Người kháng cáo:*

4.1. Bị đơn ông Nguyễn Văn T

4.2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phan Ngọc H

#### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 26/3/2013 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn bà Trương Thị M và người đại diện hợp pháp trình bày:* Bà là chủ sử dụng thửa đất số 206, diện tích 903 m<sup>2</sup> tại ấp Thuận Long, xã Đồng Phú, huyện L, tỉnh V theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 772712, số vào sổ 07004/QSDĐ ngày 30/6/1995 chỉnh lý ngày 28/11/2005, có nguồn gốc nhận thừa kế của chồng là ông Nguyễn Văn T<sup>3</sup> (chết năm 2003). Năm 1993, ông Nguyễn Văn T nhận chuyển nhượng thửa đất số 207 liền kề với thửa đất 206 của bà, giáp ranh hai thửa đất là con mương. Sau khi chồng bà chết thì bà bơm cát san lấp con mương và xây hàng rào trên liếp vườn sát mé mương bên phần đất của bà, còn con mương vẫn để trống nên ông T lấn chiếm trồng cây (03 cây chôm chôm và 05 cây chanh). Khi đo đạc Vlap thì xảy ra tranh chấp nên bà khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện L yêu cầu ông T trả lại đất lấn chiếm. Sau nhiều lần thay đổi yêu cầu khởi kiện diện tích từ 109,79 m<sup>2</sup> còn 80 m<sup>2</sup> rồi 46,5 m<sup>2</sup>.

*Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:* Ông là chủ sử dụng thửa đất số 207, diện tích 1.281 m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 160845, số vào sổ 49905/QSDĐ/818 ngày 28/10/2004. Toàn bộ diện tích con mương là nằm trong thửa 207 của ông nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà M. Nếu bà M được công nhận diện tích tranh chấp thì ông tự đốn cây trên đất mà không yêu cầu bồi thường.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 78/2015/DSST ngày 02/10/2015 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh V đã quyết định:* Buộc ông T trả cho bà M 21,6 m<sup>2</sup> (có sơ đồ kèm theo).

Bà Trương Thị M kháng cáo.

*Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 105/2017/DSPT ngày 07/7/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh V đã quyết định:* Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 78/2015/DSST ngày 02/10/2015 của Tòa án nhân dân huyện L và giữ lại hồ sơ vụ án để Tòa án nhân dân tỉnh V xét xử sơ thẩm.

Ngày 23/6/2016, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trương Văn T thửa mới là 67 (số cũ 207), diện tích 1.439,8 m<sup>2</sup>.

Ngày 27/6/2017 ông T ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ thửa đất số 67 cho anh Nguyễn Văn L và ngày 30/6/2017 anh L đã được chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L chỉnh lý trang 4 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 06/7/2017, anh Nguyễn Văn L và chị Phạm Thị Dương T<sup>2</sup> ký hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 67 cho chị Phan Ngọc H và chị H đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 835251, số vào sổ CS 10640 ngày 29/8/2017, thửa số 67, diện tích 1.439,8 m<sup>2</sup>.

*Nguyên đơn bà Trương Thị M có đơn khởi kiện bổ sung ngày 26/7/2017 và ngày 21/9/2018 yêu cầu Tòa án:*

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 171102 ngày 23/6/2016 đã cấp cho ông Nguyễn Văn T thửa 67, diện tích 1.439,8 m<sup>2</sup>; Hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 27/6/2017 giữa hộ ông T với anh L đối với thửa đất số 67; Hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 06/7/2017 giữa vợ chồng anh L, chị T<sup>2</sup> với chị H đối với thửa đất số 67; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 835251, sổ vào sổ CS 10640 ngày 29/8/2017 đã cấp cho chị Phan Ngọc H thửa 67, diện tích 1.439,8 m<sup>2</sup>; Buộc ông T, anh L, chị T<sup>2</sup>, chị H phải trả diện tích 46,5 m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 206 cho bà M.

Tòa án nhân dân tỉnh V đã nhiều lần thông báo nội dung đơn khởi kiện bổ sung của bà M và triệu tập hợp lệ các đương sự Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn L, Phạm Thị Dương T<sup>2</sup>, Phan Ngọc H này đến các phiên kiểm tra giao nộp chứng cứ, hòa giải, phiên tòa nhưng đều vắng mặt và không gửi văn bản ý kiến cho Tòa án.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2019/DSST ngày 19/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh V đã quyết định:*

Căn cứ Điều 166, 170 Luật Đất đai năm 2013; Các điều 163, 164, 165, 166, 168, 175, 176 Bộ luật dân sự năm 2005; Các điều 91, 92, 227, 228, 266 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị M:

1.1. Công nhận phần đất diện tích 46,5 m<sup>2</sup>, chiết thửa 67 (thửa cũ 207), tờ bản đồ số 33, diện tích 1.439,8 m<sup>2</sup> loại đất trồng cây lâu năm tọa lạc tại ấp Thuận Long, xã Đồng Phú, huyện L, tỉnh V thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà Trương Thị M.

1.2. Buộc chị Phan Ngọc H giao trả bà Trương Thị M diện tích 46,5 m<sup>2</sup> chiết thửa 67 (thửa cũ 207), tờ bản đồ số 33, diện tích 1.439,8 m<sup>2</sup> loại đất trồng cây lâu năm tọa lạc tại ấp Thuận Long, xã Đồng Phú, huyện L, tỉnh V do chị Phan Ngọc H đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 835251, sổ vào sổ CS 10640 ngày 29/8/2017.

1.3. Công nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn T di dời các cây trồng thuộc quyền sở hữu của ông T, bà H<sup>1</sup> trên đất diện tích 46,5 m<sup>2</sup> chiết thửa 67 (thửa cũ 207), tờ bản đồ số 33, diện tích 1.439,8 m<sup>2</sup> loại đất trồng cây lâu năm tọa lạc tại ấp Thuận Long, xã Đồng Phú, huyện L, tỉnh V do chị Phan Ngọc H đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 835251, sổ vào sổ CS 10640 ngày 29/8/2017 để giao trả đất cho bà Trương Thị M.

(Kèm theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất phục vụ công tác xét xử cho Tòa án của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L ngày 25/8/2014).

Các đương sự liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để tiến hành đăng ký kê khai biến động theo quy định của pháp luật về đất đai.

1.4. Không chấp nhận khởi kiện của bà Trương Thị M yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 23/6/2016 cho ông Nguyễn Văn T thửa đất số 67 (thửa cũ là 207), diện tích 1.439,8 m<sup>2</sup>, loại đất trồng cây lâu năm; Hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 27/6/2017

giữa hộ ông Nguyễn Văn T với anh Nguyễn Văn L, thửa đất số 67, tờ bản đồ số 33, diện tích 1.439,8 m<sup>2</sup>, loại đất trồng cây lâu năm; Hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 06/7/2017 giữa vợ chồng anh Nguyễn Văn L, chị Phạm Thị Dương T<sup>2</sup> với chị Phan Ngọc H; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/8/2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp cho chị Phan Ngọc H thửa đất 67, tờ bản đồ số 33, diện tích 1.439,8 m<sup>2</sup>, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp Thuận Long, xã Đồng Phú, huyện L, tỉnh V.

2. Về chi phí khảo sát đo đạc: Buộc ông T nộp chi phí khảo sát đo đạc 5.000.000 đồng tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh V để hoàn trả lại cho bà Trương Thị M đã tạm ứng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm; về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/9/2019, bị đơn ông Trương Văn T có đơn kháng cáo yêu cầu buộc bà M chịu chi phí khảo sát, đo đạc vì ông không còn liên quan gì đến thửa đất tranh chấp.

Ngày 23/9/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phan Ngọc H có đơn kháng cáo không đồng ý giao trả cho bà M 46,5 m<sup>2</sup> do chị đã nhận chuyển nhượng hợp pháp và chị không nhận được giấy triệu tập của Tòa án.

*Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:*

Ông Nguyễn Minh T<sup>1</sup> giữ nguyên kháng cáo của chị Phan Ngọc H đề nghị sửa Bản án sơ thẩm không buộc chị phải trả đất, vì 46,5 m<sup>2</sup> này đã nằm trong thửa 206 của bà M và chị H không có quản lý, mà bà M đang trồng cây môn; đất không thuộc thửa 207 nên đề nghị không buộc chị phải chỉnh lý lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Chị Phạm Thị Mỹ T<sup>1</sup> trình bày bà M đang trồng rau và cây môn trên diện tích 46,5 m<sup>2</sup> tranh chấp nên chị không đồng ý kháng cáo của ông T và không đồng ý kháng cáo của chị H.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến Hội đồng xét xử phúc thẩm và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Đơn kháng cáo hợp lệ. Về nội dung đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn T và đơn kháng cáo của chị Phan Ngọc H đều đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Phần đất tranh chấp nằm giữa thửa đất số 206 của bà M với thửa đất số 207 của ông T, không có cắm trụ làm ranh giới, mà chỉ là con mương lạng đã tồn tại trên 30 năm do bà M sử dụng.

Tại Biên bản đo đạc hiện trạng ngày 10/7/2014 (bút lục 67) và Trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 25/8/2014 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L (bút lục 71, 72) xác định: Phần diện tích tranh chấp có diện tích là 80 m<sup>2</sup>, trong đó có 46,5 m<sup>2</sup> (chiết thửa 206-2) thuộc thửa đất số 206 của bà M và 33,5 m<sup>2</sup> (chiết thửa 207-2) thuộc thửa đất số 207 của ông T.

Như vậy, phần diện tích đất tranh chấp 46,5 m<sup>2</sup> thuộc chiết thửa 206-2 nên Bản án sơ thẩm công nhận diện tích đất tranh chấp 46,5 m<sup>2</sup> thuộc quyền sử dụng đất của bà M là có căn cứ, nhưng khi tuyên án lại ghi 46,5 m<sup>2</sup> thuộc chiết thửa 67 (thửa cũ 207) là có sự nhầm lẫn; Tại phiên tòa phúc thẩm, cả hai bên đương sự đều xác định bà M là người đang quản lý sử dụng diện tích 46,5 m<sup>2</sup> để trồng rau và cây môn, còn chị H

không quản lý sử dụng. Do đó, Bản án sơ thẩm tuyên buộc chị H giao trả 46,5 m<sup>2</sup> cho bà M và tuyên buộc các bên đương sự liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký kê khai biến động theo quy định của pháp luật về đất đai là không đúng. Trong trường hợp này chỉ cần công nhận diện tích tranh chấp 46,5 m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 206 thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà M là đủ. Do đó, chấp nhận kháng cáo của chị H, sửa Bản án sơ thẩm về cách tuyên án.

[3] Do yêu cầu phản bác của ông T không được chấp nhận nên theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự thì ông T phải chịu chi phí khảo sát, đo đạc là 5.000.000 đồng và phải nộp để hoàn trả lại cho bà M theo quy định tại khoản 1 Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Do được chấp nhận kháng cáo nên chị Phan Ngọc H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm;

Ông Trương Văn T là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm;

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về việc công nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn T di dời cây trồng; về việc bác khởi kiện của bà Trương Thị M yêu cầu hủy các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 67 (thửa cũ 207), tờ bản đồ số 33, diện tích 1.439,8 m<sup>2</sup>, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp Thuận Long, xã Đồng Phú, huyện L, tỉnh V giữa ông Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn L, chị Phan Ngọc H và bác yêu cầu hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Nguyễn Văn T, chị Phan Ngọc H đối với thửa đất số 67 nêu trên; về án phí dân sự sơ thẩm; về nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Sau khi Tòa án nhân dân tỉnh V thụ lý lại vụ án thì người đại diện hợp pháp của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam đã có văn bản ngày 25/10/2017 (bút lục số 345) và văn bản ngày 19/7/2019 (bút lục số 349) trình bày kể từ ngày 01/7/2016 bà Trương Thị M đã tất toán hợp đồng tín dụng với ngân hàng, còn ông Trương Văn T không có quan hệ vay vốn tại Ngân hàng nên Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam không còn quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn tiếp tục đưa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam vào tham gia tố tụng là không đúng. Tuy nhiên, việc xác định thừa người tham gia tố tụng này không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của các bên đương sự, nên chỉ cần rút kinh nghiệm là đủ.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Chấp nhận kháng cáo của chị Phan Ngọc H, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2019/DS-ST ngày 19/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh V về cách tuyên án như sau:

2.1. Công nhận phần đất diện tích 46,5 m<sup>2</sup>, chiết thửa 206-2 thuộc thửa đất số 206 tọa lạc tại ấp Thuận Long, xã Đồng Phú, huyện L, tỉnh V thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà Trương Thị M theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 772712, sổ vào sổ 07004/QSĐĐ ngày 30/6/1995 chỉnh lý ngày 28/11/2005. (Diện tích, kích thước, hình thể, giáp giới của phần đất có diện tích 46,5 m<sup>2</sup>, chiết thửa 206-2

thuộc thửa đất số 206 được xác định theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất phục vụ công tác xét xử cho Tòa án của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L ngày 25/8/2014 – bút lục 71, 72).

2.2. Buộc ông Nguyễn Văn T phải nộp chi phí khảo sát đo đạc 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) để hoàn trả lại cho bà Trương Thị M đã tạm ứng.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

3.1. Ông Nguyễn Văn T được miễn án phí dân sự phúc thẩm và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0001449 ngày 24/9/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh V.

3.2. Chị Phan Ngọc H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0001453 ngày 27/9/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh V.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về việc công nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn T di dời cây trồng; về việc bác khởi kiện của bà Trương Thị M yêu cầu hủy các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 67 (thửa cũ 207), tờ bản đồ số 33, diện tích 1.439,8 m<sup>2</sup>, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp Thuận Long, xã Đồng Phú, huyện L, tỉnh V giữa ông Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn L, chị Phan Ngọc H và bác yêu cầu hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Nguyễn Văn T, chị Phan Ngọc H đối với thửa đất số 67 nêu trên; về án phí dân sự sơ thẩm; về nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM ;
- Tòa án nhân dân tỉnh V;
- VKSND tỉnh V;
- Cục THADS tỉnh V;
- Các đương sự;
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Công**